

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HS-ST
Ngày: 28-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Huỳnh Văn Minh– Cán bộ hưu trí;

+ Ông Nguyễn Đức Hạnh - Chánh Văn phòng, Sở Lao động Thương binh - Xã hội tỉnh Tây Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Điền, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2018/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐ-PT ngày 14 tháng 6 năm 2018, đối với bị cáo:

Sô N (tên gọi khác: Ta N), sinh năm 1965, tại Campuchia; nơi cư trú: Ấp S, xã C, huyện M, tỉnh Tà Bôn Khơ Mum, Vương quốc Campuchia; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 02/10; quốc tịch: Campuchia; dân tộc: Khơ - me; tôn giáo: Phật giáo; con ông Cầm P (đã chết) và bà Pơ Rắc L (đã chết); có vợ là chị Em Th, sinh năm 1974; con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền sự: Không có; tiền án: Có 01 tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2016/HSST ngày 13-7-2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã tuyên phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội “Hiếp dâm” theo khoản 1 Điều 111 của Bộ luật Hình sự năm 1999, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 02/01/2018.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 24-4-2018 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người phiên dịch: Ông Thân Trọng M – Nguyên Trưởng Phòng Hợp tác quốc tế thuộc Sở ngoại vụ tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người bị hại:*

+ Ông Mai Văn T, sinh năm 1977; bà Lê Thị T1, sinh năm 1982; cùng cư trú tại: Ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tuyết: Ông Mai Văn T, theo văn bản ủy quyền ngày 01-6-2018; ông T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh; bà T2 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 20-4-2018, Sô N chuẩn bị một đoạn kim loại hình chữ T, dài 18 cm, một đầu được mài dẹp và một cờ lê, cùng người tên S điều khiển xe mô-tô từ Campuchia đến khu vực huyện T, tỉnh Tây Ninh để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Đến khoảng 07 giờ 30 phút, khi phát hiện xe mô-tô hiệu Yamaha Sirius biển số 70H1-013.02 của ông Mai Văn T để trên đường, chia khóa trên xe, không người trông giữ, S để Sô N đi bộ đến lén lút khởi động xe mô-tô của ông T, lúc này ông T cùng gia đình đang thu hoạch hoa màu cách xe khoảng 10 m, phát hiện Sô N lấy trộm xe nên tri hô cùng mọi người truy đuổi. Bị truy đuổi, Sô N để lại xe mô-tô, chạy vào đám cao su, đám mì để tẩu thoát.

Chạy được khoảng 01 km, phát hiện bà Nguyễn Thị T2 đang đứng một mình, bên cạnh có xe mô-tô Dream Trung Quốc biển số 70K1-009.98, Sô N dùng đoạn kim loại thực hiện động tác “đâm đâm” vào người bà T2 và tiến nhanh về phía xe mô-tô. Sô N lên xe của bà T2, khởi động xe nhưng không được, bà T2 dùng thân cây dao cạo mũ cao su đánh 03 cái vào tay phải của Sô N, làm rơi cây đoạn kim loại. Cùng lúc này, Sô N phát hiện có 02 người chạy đến nên để lại xe mô-tô của bà T2, tiếp tục bỏ chạy thì bị Công an xã B1 cùng quần chúng nhân dân bắt quả tang.

Kết luận định giá tài sản số: 81/KL-HĐĐGTSTTTHS, ngày 04-5-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, kết luận: Xe mô-tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 70H1-013.02 trị giá 5.700.000 đồng; xe mô-tô nhãn hiệu Boss biển số 70K1-009.98 trị giá 3.450.000 đồng.

Đối với người tên S theo lời khai của Sô N, hiện nay không xác định được nhân thân, không làm rõ được hành vi, vai trò của S nên không có cơ sở xem xét xử lý.

Cáo trạng số: 06/CT-VKS-P3, ngày 31 tháng 5 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Sô N về tội “Cướp tài sản” và “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 và khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị:

- Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Sô N (Ta N) phạm tội “Cướp tài sản” và “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt:

- + Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 7-8 năm tù về tội “Cướp tài sản”.

- + Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 6-9 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- + Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt bị cáo chấp hành chung từ 7 năm 06 tháng tù đến 8 năm 09 tháng tù.

- + Áp dụng Điều 46 , 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu tiêu hủy công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội, trả lại cho bị cáo tài sản không liên quan đến việc phạm tội.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Tội của bị cáo đã rõ, bị cáo đã hối hận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Tây Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị hại là ông Mai Văn T và bà Nguyễn Thị T2 có

đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Trong quá trình điều tra, bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm. Do đó, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt người bị hại theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, bị cáo Sô N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố và lời khai này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có cơ sở xác định: Vào sáng ngày 24-4-2018, Sô N đã có hành vi lén lút lấy trộm một xe mô-tô biển số 70H1-013.32 trị giá 5.700.000 đồng của ông Mai Văn T thì bị phát hiện và bị truy đuổi. Khi bị truy đuổi, Sô N phát hiện bà Nguyễn Thị T2 đang đứng cạnh xe mô-tô biển số 70K1-009.98 trị giá 3.450.000 đồng của bà T2 nên Sô N đã dùng một đoạn kim loại hình chữ T, dài 18 cm, một đầu được mài dẹp là phương tiện nguy hiểm để thực hiện hành vi “đâm đâm” về phía bà T2 nhằm chiếm đoạt chiếc xe mô-tô của bà T2 thì bị bắt giữ. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Sô N phạm tội “Cướp tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 và khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Vụ án mang tính chất rất nghiêm trọng; hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân và ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo, để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã có một tiền án về tội “Hiếp dâm”, sau khi chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích nhưng không chăm chỉ làm ăn mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản và cướp tài sản, do đó bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo phạm tội chưa đạt nên cần xem xét áp dụng Điều 15, Khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Đối với hành vi của tên S (theo lời khai của bị cáo) do không xác định được nhân thân, địa chỉ nên không có cơ sở xử lý.

[5] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

[5.1] Xử lý trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Các bị hại là ông Mai Văn T đã nhận lại xe mô-tô mang biển số 70H1-013.02 và bà Nguyễn Thị T2 đã nhận lại xe mô-tô biển số 70K1-009.98. Ông T và bà T2 không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên cần ghi nhận, không đặt ra giải quyết.

[5.2] Xử lý vật chứng của vụ án:

+ Vật chứng của vụ án là công cụ phạm tội nên tịch thu tiêu hủy: 01 (một) đoạn kim loại hình chữ T, dài 18 cm, trọng lượng 100g; 01 (một) cờ lê kim loại, một đầu ghi số 10, một đầu ghi số 12.

+ Hoàn trả cho bị cáo những tài sản không liên quan đến việc thực hiện tội phạm bao gồm: 90.000 (chín mươi nghìn) đồng, tiền Việt Nam và 40.500 (bốn mươi nghìn năm trăm) rí, tiền Campuchia.

[6] Về án phí: Bị cáo Sô N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Sô N (Ta N) phạm tội “Cướp tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 15, Khoản 3 Điều 57; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Sô N (Ta N) 06 (sáu) năm tù về tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 15, Khoản 3 Điều 57; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Sô N (Ta N) 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt, tạm giam 24-4-2018.

2. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) đoạn kim loại hình chữ T, dài 18 cm, trọng lượng 100g; 01 (một) cờ lê kim loại (chìa khóa mở ốc xe), một đầu ghi số 10, một đầu ghi số 12.

+ Hoàn trả cho bị cáo những tài sản không liên quan đến việc thực hiện tội phạm bao gồm: 90.000 (chín mươi nghìn) đồng, tiền Việt Nam và 40.500 (bốn mươi nghìn năm trăm) rí, tiền Campuchia.

Những đồ vật trên hiện Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh đang quản lý.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Sô N (Ta N) phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án hình sự xử sơ thẩm công khai, báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Vụ 1 GĐKT. TANDTC;
- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSNDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VP. CQCSĐT CA tỉnh;
- Phòng CSĐT về TTXH. CATTN;
- Phòng PV 27 CA Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án HSST.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Kim Sang